TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn G.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phan Xuân H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1978; đăng ký thường trú: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị Hồng T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1999, tại UBND xã Q, huyện Đ. Trong cuộc sống hôn nhân, chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn và bất đồng về quan điểm sống, mặt khác, hiện nay bà T đang chấp hành án tại Trạigiam. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, tôi xin được ly hôn với bà Lê Thị Hồng T.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là cháu Nguyễn Nhật L, sinh năm 1998; cháu Nguyễn Nhật K, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/3/2008. Đối với cháu Nguyễn Nhật L và Nguyễn Nhật K đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu giải quyết; cháu Nguyễn Nhật H chưa đủ 18 tuổi, tôi có nguyện vọng là được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi vì mẹ cháu đang chấp hành án nên không thể nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Có lời khai không đồng ý ly hôn, hiện bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam Đ và có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểmnhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và G1; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M. Về hôn nhân: Tuyên ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Hồng T ly hôn. Về con chung: Giao con Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/3/2008, cho ông Nguyễn Văn M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung vì vậy Tòa án xác định vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dânbị đơn có nơi cư trú tại thôn7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị Hồng T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 1999, là hôn nhân hợp pháp. Hiện bà Lê Thị Hồng T đang chấp hành án. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt

được, ông Nguyễn Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị Hồng T là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hônvà Giađình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Hồng T hiện đang chấp hành án tại Trạigiam nên không thể chăm sóc con Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/3/2008. Vì vậy, nguyện vọng của ông Nguyễn Văn M là được nuôi dưỡng con Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/3/2008 là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Lê Thị Hồng T không phải cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và công nợ: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và G1:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M ly hôn bà Lê Thị Hồng T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 988/1999 ngày 21 tháng 12 năm 1999 của UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hết hiệu lực kể từ ngày bản có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/3/2008 cho ông Nguyễn Văn M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáodục đến khi đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81,83 và 84 của Luật hôn Nhânvà Gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 141 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghịsố: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm*

nghìn đồng) đã nộp theo biên tạm ứng án phí, lệ phí tòa 0001082 ngày 24/11/2023 của Chi cục hành án dân sự huyện Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký